

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; căn cứ khoản 2 Điều 85 Luật Giáo dục năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 và Điều 26 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, với các nội dung sau đây:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ xác định yêu cầu bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, hoàn thiện chính sách hỗ trợ người học thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số và người học ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội xác định phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; ưu tiên hỗ trợ nhóm yếu thế và bảo đảm cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có giáo dục và đào tạo.

Việc xây dựng Nghị định nhằm thể chế hóa các chủ trương nêu trên, góp phần bảo đảm quyền học tập, mở rộng cơ hội tiếp cận và duy trì học tập đối với

người học có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển nguồn nhân lực.

b) Cơ sở pháp lý

Khoản 2 Điều 85 Luật Giáo dục năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 quy định Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học thuộc đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số, người học thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

Điều 26 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 quy định chính sách nội trú đối với người học thuộc các nhóm đối tượng theo luật định và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và pháp luật có liên quan là căn cứ xác định phạm vi người học, trách nhiệm của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý và cơ chế bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách.

2. Cơ sở thực tiễn

Các chính sách trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú hiện hành đã góp phần hỗ trợ người học thuộc diện chính sách, người học có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận và duy trì việc học tập. Tuy nhiên, qua tổng kết thực tiễn, hệ thống chính sách đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập chủ yếu sau đây:

- Hệ thống chính sách còn phân tán tại nhiều văn bản, có nội dung, đối tượng giao thoa nhưng được thực hiện theo các cơ chế khác nhau, gây khó khăn trong xác định đối tượng, mức hưởng, hồ sơ, cơ quan chi trả và kiểm soát việc hưởng trùng.

- Mức trợ cấp xã hội 100.000 đồng/người/tháng áp dụng từ năm 1997, mức 140.000 đồng/người/tháng áp dụng từ năm 2001 và các khoản hỗ trợ nội trú áp dụng từ năm 2015 không còn phù hợp với mặt bằng chi phí học tập, sinh hoạt và đi lại hiện nay.

- Phạm vi bao phủ chưa toàn diện; một số nhóm người học thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người mồ côi, học viên cao học, nghiên cứu sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa có cơ chế hỗ trợ thống nhất; người học chương trình giáo dục trung học nghề cần được bổ sung để phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp mới.

- Một số tiêu chí đối tượng, điều kiện hưởng và cách xác định địa bàn không còn phù hợp với thay đổi về chuẩn nghèo, địa giới hành chính, phương thức tuyển sinh và tổ chức chương trình đào tạo.

- Hồ sơ, thủ tục còn phụ thuộc nhiều vào giấy tờ; việc kết nối, khai thác, chia sẻ và đối soát dữ liệu chưa đồng bộ, làm tăng thời gian, chi phí thực hiện và nguy cơ hưởng sai, hưởng trùng.

Vì vậy, cần ban hành Nghị định để thay thế, tích hợp các chính sách hiện hành; sửa đổi, hoàn thiện đối tượng, mức hưởng, hồ sơ, trình tự, phương thức chi trả, cơ chế quản lý dữ liệu và nguồn kinh phí, bảo đảm thống nhất, khả thi và phù hợp với pháp luật mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Nghị định

- Cụ thể hóa quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách trợ cấp, chính sách nội trú đối với người học.

- Tích hợp, thay thế và hoàn thiện các chính sách hiện hành theo hướng thống nhất, đồng bộ; khắc phục bất cập về đối tượng, mức hưởng, hồ sơ và tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ người học thuộc nhóm yếu thế, người học có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận, duy trì và hoàn thành chương trình đào tạo; góp phần bảo đảm công bằng xã hội và an sinh xã hội.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khai thác và đối soát dữ liệu, bảo đảm chi trả công khai, minh bạch, đúng đối tượng và hạn chế hưởng trùng.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bảo đảm phù hợp chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Kế thừa các chính sách còn phù hợp, đồng thời sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn; bảo đảm quyền lợi chính đáng và tính liên tục của chính sách.

- Chính sách được xác định theo hoàn cảnh kinh tế - xã hội và mức độ khó khăn của người học, không dựa vào thành tích học tập; có nguyên tắc ngăn ngừa hỗ trợ trùng cùng mục tiêu, nội dung và thời gian.

- Mức hưởng được xác định theo tỷ lệ mức lương cơ sở để bảo đảm ổn định, thống nhất và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu sẵn có, giảm yêu cầu nộp lại giấy tờ; phân định rõ trách nhiệm của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý và cơ quan chi trả.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Quá trình xây dựng gồm các hoạt động chủ yếu sau đây:

1. Ban hành kế hoạch xây dựng Nghị định¹; thành lập Tổ soạn thảo²; nghiên cứu cơ sở chính trị, pháp lý và tổng kết thực tiễn thực hiện các chính sách hiện hành.

2. Xây dựng hồ sơ chính sách và dự thảo Nghị định; tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tham vấn chuyên gia, cơ sở giáo dục và nhóm đối tượng chịu tác động.

3. Lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ sở giáo dục, tổ chức và cá nhân có liên quan³; đăng tải hồ sơ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

4. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; hoàn thiện dự thảo và các tài liệu trong hồ sơ.

5. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 06 chương, 23 điều và 04 mẫu biểu kèm theo: Chương I. Quy định chung; Chương II. Chính sách trợ cấp, chính sách nội trú và nguyên tắc thực hiện; Chương III. Hồ sơ, trình tự, chi trả, dừng và thu hồi chính sách; Chương IV. Kinh phí thực hiện; Chương V. Trách nhiệm tổ chức thực hiện; Chương VI. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Tên của dự thảo Nghị định

Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp

¹ Kế hoạch số 24/KH-BGDĐT ngày 12/01/2026 về việc soạn thảo Nghị định quy định chính sách trợ cấp cho người học thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thuộc các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

² Quyết định số 301/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo Nghị định quy định chính sách trợ cấp cho người học thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thuộc các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

³ Công văn số 3320/BGDĐT-HSSV ngày 05/6/2026 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với HSSV, học viên cao học, nghiên cứu sinh trong CSGDDH, CSGDNN.

hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”; đồng thời căn cứ quy định tại Điều 26 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 về chính sách nội trú cho người học thuộc các nhóm yếu thế, qua quá trình nghiên cứu, rà soát hệ thống chính sách và đối tượng thụ hưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận thấy nội dung nhiệm vụ xây dựng 02 Nghị định riêng biệt về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú có sự giao thoa, tương đồng về phạm vi địa bàn và nhóm đối tượng thụ hưởng.

Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, khắc phục tình trạng chính sách bị phân tán và tránh chồng chéo trong tổ chức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án tích hợp các nội dung nêu trên để xây dựng một Nghị định duy nhất. Việc tích hợp này nhằm tạo ra một khung chính sách an sinh xã hội toàn diện, minh bạch, giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho các địa phương, cơ sở giáo dục cũng như người học trong quá trình triển khai thực hiện.

Theo đó, đề xuất tên gọi của dự thảo Nghị định được xác lập để bao quát đầy đủ các nội dung và đối tượng điều chỉnh là: ***Nghị định quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.***

2.2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc thực hiện

Dự thảo tích hợp, thay thế các chính sách tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg; áp dụng đối với người học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Dự thảo quy định nguyên tắc một người học không hưởng trùng các chính sách của Nhà nước có cùng mục tiêu, nội dung chi và thời gian hỗ trợ.

2.3. Đối tượng hưởng chính sách

Đối tượng hưởng chính sách trợ cấp gồm sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh học chính quy tại cơ sở giáo dục đại học; học sinh, sinh viên học chương trình giáo dục trung học nghề, chương trình đào tạo trình độ trung cấp, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các nhóm: người dân tộc thiểu số có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người mồ côi cả cha và mẹ, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa; người khuyết tật. Đối tượng hưởng chính sách nội trú được xác định theo Điều 26 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2.4. Mức hưởng và thời gian hưởng

Mức trợ cấp, học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ nội trú được xác định theo tỷ lệ mức lương cơ sở. Chính sách trợ cấp được thực hiện 12 tháng trong một năm học, bao gồm thời gian nghỉ theo kế hoạch đào tạo; không tính thời gian người học tạm dừng học, bị đình chỉ học tập hoặc vượt quá thời gian đào tạo chuẩn. Đối với chương trình đào tạo theo tín chỉ, mô-đun, số tháng hưởng học bổng chính sách nội trú được quy đổi theo số tín chỉ của các môn học, mô-đun người học đã tham gia học tập và được cơ sở GDNN xác nhận trong năm học so với tổng số tín chỉ bình quân của một năm học theo tiến độ của chương trình đào tạo.

2.5. Hồ sơ, trình tự, phương thức chi trả và xử lý biến động

Dự thảo quy định 02 thủ tục hành chính về đề nghị hưởng chính sách trợ cấp và đề nghị hưởng chính sách nội trú; hồ sơ được chuẩn hóa bằng 04 mẫu biểu, nộp một lần trong khóa học và chỉ cập nhật khi thông tin hết hiệu lực hoặc có thay đổi. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm khai thác dữ liệu đã có, không yêu cầu người học cung cấp lại. Việc chi trả được thực hiện chủ yếu qua tài khoản thanh toán của người học; chi trả bằng tiền mặt chỉ áp dụng trong trường hợp khách quan được quy định cụ thể.

2.6. Kinh phí, dữ liệu và trách nhiệm tổ chức thực hiện

Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí đối với người học tại cơ sở giáo dục thuộc trung ương quản lý và hỗ trợ ngân sách địa phương theo cơ chế hỗ trợ chính sách an sinh xã hội; ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí đối với người học thuộc trách nhiệm chi trả của địa phương. Dự thảo quy định trách nhiệm kết nối, cung cấp, chia sẻ, khai thác và đối soát dữ liệu; công khai kết quả, báo cáo, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2.7. Hiệu lực thi hành và chuyển tiếp

Dự thảo quy định bãi bỏ 04 quyết định hiện hành; bảo đảm chuyển tiếp đối với người học đã được phê duyệt hưởng chính sách và người đang hưởng theo chính sách cũ nhưng không còn thuộc đối tượng của Nghị định mới; không truy lĩnh phân chênh lệch của các kỳ chi trả trước.

V. CÁC NỘI DUNG THEO YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỜ TRÌNH DỰ THẢO VĂN BẢN THAY THẾ

1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Sửa đổi cách xác định đối tượng hưởng chính sách theo nhóm hoàn cảnh kinh tế - xã hội, tình trạng khuyết tật, mồ côi và địa bàn; thay các tiêu chí không còn phù hợp với phương thức tuyển sinh, chuẩn nghèo, địa giới hành chính và pháp luật mới.

- Thay mức hỗ trợ cố định bằng tỷ lệ mức lương cơ sở; phân mức trợ cấp theo số nhóm đối tượng và phân mức học bổng chính sách nội trú theo từng nhóm đối tượng.

- Hoàn thiện thời gian hưởng theo thời gian đào tạo chuẩn; quy định rõ thời gian tạm dừng, đình chỉ không được tính hưởng; bổ sung cách quy đổi đối với chương trình đào tạo theo mô-đun, tín chỉ.

- Thống nhất nguyên tắc không hưởng trùng chính sách có cùng mục tiêu, nội dung chi và thời gian hỗ trợ; quy định rõ trường hợp người học đồng thời thuộc diện hưởng trợ cấp và nội trú.

- Hoàn thiện cơ chế lập dự toán, phân bổ, chi trả, quyết toán và trách nhiệm của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nội dung bổ sung

- Bổ sung người học chương trình giáo dục trung học nghề vào phạm vi chính sách phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Bổ sung học viên cao học, nghiên cứu sinh thuộc nhóm yếu thế vào đối tượng hưởng trợ cấp, đồng thời loại trừ người có quan hệ lao động ổn định hoặc đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm xét hưởng.

- Bổ sung quy định nộp hồ sơ một lần trong khóa học, cập nhật khi thông tin hết hiệu lực hoặc thay đổi; khai thác dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và không yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có.

- Bổ sung phương thức chi trả qua tài khoản thanh toán của người học, các trường hợp chi trả bằng tiền mặt và trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, chứng từ.

- Bổ sung quy định dừng, tạm dừng, tiếp tục chi trả, khấu trừ, thu hồi; không thu hồi khoản đã chi đúng trước thời điểm người học không còn đủ điều kiện.

- Bổ sung trách nhiệm kết nối, chia sẻ, đối soát dữ liệu; công khai thông tin tổng hợp, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng ngừa hưởng sai, hưởng trùng.

- Bổ sung điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm quyền lợi của người học đã được phê duyệt hoặc đang hưởng chính sách.

3. Nội dung lược bỏ

- Lược bỏ các tiêu chí gắn với phương thức thi tuyển, hệ đào tạo dài hạn tập trung và các thuật ngữ không còn phù hợp với pháp luật giáo dục hiện hành.

- Lược bỏ mức hỗ trợ tuyệt đối đã lạc hậu và các quy định phân tán, trùng lặp giữa các quyết định hiện hành.

- Không tiếp tục quy định người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú là đối tượng mới của chính sách nội trú do Luật Giáo dục nghề nghiệp không còn quy định; áp dụng chuyển tiếp đối với người học đã được phê duyệt hưởng.

- Lược bỏ yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu và các thành phần hồ sơ không cần thiết.

- Lược bỏ cơ chế chi trả, xác nhận thủ công không còn phù hợp với yêu cầu thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số.

4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo quy định 02 thủ tục hành chính, gồm: đề nghị hưởng chính sách trợ cấp và đề nghị hưởng chính sách nội trú. So với các quy định hiện hành, dự thảo thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa theo các hướng sau đây:

- Chuẩn hóa hồ sơ thành 04 mẫu biểu áp dụng thống nhất; không quy định nhiều mẫu riêng theo từng nhóm đối tượng.

- Hồ sơ nộp một lần trong khóa học; chỉ cập nhật giấy tờ, thông tin, dữ liệu khi hết hiệu lực hoặc có thay đổi, không phải nộp lại toàn bộ hồ sơ.

- Cho phép nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

- Cơ quan giải quyết phải khai thác dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin có thẩm quyền; không yêu cầu người học cung cấp lại các thông tin đã có trên hệ thống.

- Quy định thời hạn thông báo, bổ sung hồ sơ, giải quyết hồ sơ; yêu cầu thông báo một lần, đầy đủ nội dung cần bổ sung.

- Chi trả qua tài khoản thanh toán của người học, giảm giao dịch trực tiếp và tăng khả năng kiểm soát, đối soát.

5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo không phân quyền quyết định chính sách, đối tượng và mức hưởng cho cơ sở giáo dục hoặc địa phương, nhằm bảo đảm thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Dự thảo phân định trách nhiệm tổ chức thực hiện như sau:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, xây dựng hoặc kết nối hệ thống thông tin và tổ chức đối soát dữ liệu.

- Bộ Tài chính thực hiện trách nhiệm về tổng hợp, bố trí và kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí theo pháp luật ngân sách nhà nước.

- Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai, bố trí, phân bổ kinh phí, kiểm tra và báo cáo theo phạm vi quản lý.

- Cơ sở giáo dục công lập tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả đối với người học thuộc phạm vi quản lý.

- Cơ sở giáo dục tư thục xác nhận tình trạng học tập, chương trình đào tạo; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và chi trả đối với người học thuộc trách nhiệm địa phương.

Cách phân định này gắn thẩm quyền giải quyết với chủ thể quản lý người học và nguồn ngân sách, không làm phát sinh cấp trung gian.

6. Vấn đề còn ý kiến khác nhau và kiến nghị phương án giải quyết

Qua quá trình lấy ý kiến, các nội dung còn có ý kiến khác nhau chủ yếu tập trung vào phạm vi đối tượng, căn cứ xác định mức hưởng, cơ quan chi trả đối với

người học tại cơ sở giáo dục tự thực và cơ chế ngân sách. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án xử lý như sau:

- Về đối tượng học viên cao học, nghiên cứu sinh: Tiếp tục đưa vào phạm vi hưởng trợ cấp nếu thuộc nhóm yếu thế, nhưng loại trừ trường hợp có quan hệ lao động ổn định hoặc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm xét hưởng.
- Về căn cứ mức hưởng: Sử dụng mức lương cơ sở thay cho mức lương tối thiểu vùng để bảo đảm thống nhất với tính chất chính sách an sinh xã hội và thuận lợi trong lập dự toán, tổ chức thực hiện.
- Về cơ quan giải quyết đối với người học tại cơ sở giáo dục tự thực: Giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú thẩm định, phê duyệt, chi trả; cơ sở giáo dục tự thực xác nhận tình trạng học tập và phối hợp cung cấp dữ liệu.
- Về nguồn kinh phí: Ngân sách trung ương bảo đảm đối với cơ sở giáo dục thuộc trung ương quản lý và hỗ trợ ngân sách địa phương theo cơ chế chính sách an sinh xã hội; ngân sách địa phương bảo đảm phần thuộc trách nhiệm địa phương.
- Về người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú: Không quy định là đối tượng mới, nhưng áp dụng chuyển tiếp đến hết chương trình đào tạo đối với người đã được phê duyệt trước ngày Nghị định có hiệu lực.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG, SỬA ĐỔI MỚI SO VỚI DỰ THẢO GỬI THẨM ĐỊNH

Nội dung mục này được cập nhật trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến Hội đồng thẩm định. Trường hợp tại thời điểm trình Chính phủ dự thảo đã được thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nêu cụ thể từng nhóm nội dung đã tiếp thu, sửa đổi so với dự thảo gửi thẩm định, gồm: phạm vi điều chỉnh, đối tượng, mức hưởng, thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp, cơ chế ngân sách, dữ liệu và điều khoản chuyển tiếp. Trường hợp không có nội dung bổ sung mới thì ghi rõ không có.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Nguồn nhân lực

Việc tổ chức thực hiện Nghị định được thực hiện thông qua bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở giáo dục; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế hoặc số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Nguồn lực tài chính

Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Nhu cầu kinh phí hằng năm được xác định căn cứ số lượng người học thực tế, mức lương cơ sở, mức hưởng, thời gian hưởng và cơ chế hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối

với chính sách an sinh xã hội; chi tiết được thể hiện tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

3. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và dữ liệu

Việc tổ chức thực hiện sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin hiện có; thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác và đối soát dữ liệu theo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và chuyển đổi số.

4. Thời gian trình ban hành

Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định trong năm 2026; thời điểm có hiệu lực được xác định phù hợp để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, chuẩn bị dữ liệu, hệ thống thông tin và tổ chức thực hiện.

VIII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Chính phủ cho ý kiến và thống nhất đối với các nội dung: phạm vi đối tượng hưởng chính sách; căn cứ xác định mức hưởng theo tỷ lệ mức lương cơ sở; cơ chế ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương; phân định trách nhiệm giải quyết đối với người học tại cơ sở giáo dục tư thục; phương án chuyển tiếp đối với người đang hưởng chính sách nhưng không còn thuộc đối tượng mới. Trường hợp các nội dung này đã được thống nhất trước khi trình, mục này sẽ được cập nhật theo hướng không còn vấn đề lớn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến Chính phủ.

IX. KIẾN NGHỊ

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thống nhất mức hưởng theo tỷ lệ mức lương cơ sở và cơ chế bảo đảm kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức triển khai sau khi Nghị định được ban hành, bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, đúng mức, công khai, minh bạch, không hưởng trùng và quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đúng quy định.

X. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- 1. Dự thảo Nghị định quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;*
- 2. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;*
- 3. Bản thuyết minh các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định;*
- 4. Bản đánh giá thủ tục hành chính; phân quyền, phân cấp; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;*

5. *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân;*
6. *Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;*
7. *Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;*
8. *Các tài liệu khác có liên quan.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HSSV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân